

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2009

Số: /TH-BC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 9 NĂM 2009
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng đầu năm 2009 tuy gặp nhiều khó khăn: mưa lũ lớn trên diện rộng cuối năm 2008 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất cây vụ đông, khu vực Tây Nguyên quý I bị hạn, thiếu nước, mưa bão trong quý III ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, giá cả nhiều nông sản giảm mạnh từ cuối năm 2008, giá thức ăn chăn nuôi ở mức cao, thị trường tiêu thụ nhiều sản phẩm ngoài nước khó khăn,... nhưng cũng có những thuận lợi : Chính phủ triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất để kích cầu và tăng cường đầu tư cho sản xuất, thời tiết về cơ bản thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và khai thác thủy sản, dịch bệnh ít xảy ra,... nên kết quả sản xuất vẫn tăng so với cùng kỳ tuy mức tăng thấp hơn so với những năm trước.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng đầu năm 2009 (số liệu sơ bộ của TCTK, theo giá cố định 1994) ước đạt 150.503,8 tỷ đồng, tăng 2,59 % so cùng kỳ năm trước, trong đó nông nghiệp đạt 106.574,5 tỷ đồng, tăng 2,32 %, lâm nghiệp đạt 5.140 tỷ đồng, tăng 2,8 % và thủy sản đạt 38.789,3 tỷ đồng, tăng 3,3 %.

Trong tháng 9/2009, các địa phương miền Bắc tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ hè thu/mùa, thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu ở vùng Bắc Trung bộ và mùa sớm ở đồng bằng Bắc bộ để giải phóng đất trồng cây vụ đông. Các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch, phơi sấy lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa mùa/thu đông và gieo trồng rau, màu cây công nghiệp ngăn ngày vụ mùa.

Đến 15/9/2009, cả nước đã gieo cấy lúa mùa đạt 1.704,2 ngàn ha, trong đó các tỉnh miền Bắc cơ bản kết thúc gieo cấy đạt diện tích 1.237,2 ngàn ha, bằng 102,6 % so với cùng kỳ năm trước. Các tỉnh miền Nam xuống giống đạt 491,6 ngàn ha, bằng 102,4 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đạt 188,6 ngàn ha, bằng 109 % năm trước.

Đến thời điểm nói trên, các tỉnh miền Nam đã thu hoạch 1.785,6 ngàn ha lúa hè thu, tiến độ thu hoạch bằng cùng kỳ năm trước. Phần lớn diện tích thu hoạch tập trung tại vùng ĐBSCL với hơn 1,5 triệu ha, chiếm 85 % tổng diện tích thu hoạch. Theo thống kê sơ bộ của ngành nông nghiệp, vụ lúa thu đông năm 2009 các địa phương đã xuống giống

đạt 483 ngàn ha, trong đó vùng ĐBSCL đạt 381,3 ngàn ha và Đông Nam bộ đạt 101,6 ngàn ha.

Tính đến ngày 15/9/2009, tổng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực trong cả nước đạt hơn 1.492,2 ngàn ha, bằng 94,6% so với cùng kì năm trước, trong đó diện tích ngô đạt 940,6 ngàn ha, bằng 97,2%, khoai lang 121,4 ngàn ha, bằng 90,3%, sắn đạt 425,2 ngàn ha, bằng 91,1% so với cùng kì năm trước. Diện tích gieo trồng màu lương thực giảm tương đối nhiều chủ yếu do diện tích cây vụ đông năm nay bị giảm mạnh do yếu tố thời tiết.

Ước kết quả sản xuất nông nghiệp cả năm 2009 : Tổng sản lượng lương thực có hạt cả nước năm 2009 ước đạt 43,5 triệu tấn, tăng 0,4 % so với sản lượng năm trước; trong đó lúa đạt 39 triệu tấn, so với năm trước tăng 316 nghìn tấn, (+0,8 %); sản lượng ngô đạt 4,4 triệu tấn, so với năm trước giảm 140 nghìn tấn (-3,1 %). (Xem phần 2.1.1. của báo cáo)

Về chăn nuôi, trong 9 tháng đầu năm 2009, mặc dù có dịch bệnh phát sinh nhưng quy mô nhỏ hơn so với năm trước, thêm vào đó giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong nước cũng như nhập khẩu giảm, giá thức ăn chăn nuôi không biến động lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi. Theo đánh giá sơ bộ của Tổng cục Thống kê, số lượng đàn trâu ổn định, đàn bò tăng 2 – 3 %, đàn lợn tăng 3 – 4 % và đàn gia cầm tăng mạnh ở mức 8 - 9 %. Sản lượng sản phẩm chăn nuôi tăng 7 - 8 % so với năm 2008.

Trong sản xuất lâm nghiệp, do thời tiết thuận lợi có nắng ấm, mưa nhiều, rất thuận lợi cho việc trồng rừng nên các chỉ tiêu lâm sinh đều đạt khá. Đến nay, các tỉnh miền Bắc đã cơ bản trồng rừng xong, trong khi các tỉnh miền Nam mới bắt đầu trồng rừng trong những tháng gần đây.

Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng đầu năm 2009 ước đạt 3.623 nghìn tấn, tăng 6,3% so cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng khai thác thủy sản đạt 1.678 nghìn tấn, tăng 6,1 % so với cùng kỳ năm 2008, là năm có tốc độ tăng khá cao so với những năm gần đây. Hiện nay, hoạt động khai thác thủy sản cũng đang gặp khó khăn vì giá nhiên liệu và các chi phí đầu vào tăng, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác thủy sản. Tình hình an ninh trên biển Đông đã tác động đến một số ngư dân trong việc ra khơi. Tuy nhiên, sản lượng thủy sản khai thác 9 tháng đầu năm 2009 tăng khá nhờ thời tiết ngư trường tương đối thuận lợi, cùng với chính sách hỗ trợ ngư dân mua mới, đóng mới tàu khai thác hải sản từ 90 CV trở lên và thay máy tàu sang loại tiêu hao ít nhiên liệu đối với khai thác hải sản từ 40 CV trở lên là một trong các yếu tố làm tăng số lượng tàu, thuyền cơ giới khai thác hải sản trong thời gian qua.

Chín tháng đầu năm 2009, sản xuất cá tra vẫn gặp nhiều khó khăn do giá thức ăn thủy sản vẫn ở mức cao, giá bán cá và thị trường tiêu thụ không ổn định. Tuy nhiên, do các địa phương tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển đổi và mở rộng các diện tích nuôi trồng thủy sản theo hướng đa canh, đa con kết hợp hướng vào thị trường nội địa, tăng năng suất nuôi trồng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và đảm bảo môi trường sinh thái bền vững nên kết quả sản xuất nuôi trồng thủy sản vẫn khả quan. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 1.945 nghìn tấn, tăng 6,5 % so cùng kỳ năm trước.

Tháng 9/2009, tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 1,33 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 610 triệu USD, thủy sản 430 triệu USD, lâm sản chính ước đạt 215 triệu USD. Tổng giá trị xuất khẩu toàn ngành 9 tháng

đầu năm ước đạt 11,079 tỷ USD, giảm 12 % so với cùng kỳ năm 2008, trong đó các mặt hàng nông sản đạt 6,15 tỷ USD (bằng 90,04 % so với cùng kỳ), thủy sản đạt 3,047 tỷ USD (xấp xỉ bằng 91 % so với cùng kỳ), lâm sản chính đạt 1,88 tỷ USD (bằng 84,68 % so với cùng kỳ). Hầu hết các mặt hàng đều tăng về lượng nhưng giá trị thì phần lớn sụt giảm so với năm trước, trừ mặt hàng gạo, rau quả và sắn.

Tổng giá trị nhập khẩu tháng 9 năm 2009 các mặt hàng nông sản và vật tư, nguyên liệu đạt 940 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu 9 tháng đầu năm 2009 đạt 7,511 tỷ USD, giảm hơn 8 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu đến tháng 9/2009 như sau :

Chỉ tiêu	Ước TH	Tỷ lệ (%)*
1. Gieo cấy lúa Mùa cả nước (nghìn ha)	1.704,2	102,6
Miền Bắc	1.232,2	102,6
Miền Nam	491,6	102,4
2. Thu hoạch lúa Hè Thu ở miền Nam (nghìn ha)	1.785,6	100,2
Trong đó : Diện tích thu hoạch ĐBSCL (nghìn ha)	1.517,6	100,2
Sản lượng thu hoạch ĐBSCL (triệu tấn) ***	9,03	97,6
3. Gieo trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày**		
3.1. Gieo trồng màu lương thực (nghìn ha)	1.492,2	94,6
3.2. Gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày(nghìn ha)	657,2	102,2
4. Gieo trồng rau, đậu các loại (nghìn ha)	665,2	100,6
5. Trồng rừng tập trung (nghìn ha)	146,7	105,1
Trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng	33,7	141
Rừng sản xuất	113	97,7
6. Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	3.623	106,3
Trong đó: Sản lượng khai thác (nghìn tấn)	1.678	106,1
Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	1.945	106,5
7. Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	11.079	87,91
Trong đó: Nông sản	6.151	90,04
Thủy sản	3.047	90,82
Lâm sản	1.882	84,68

Ghi chú : * So với cùng kỳ
 ** Miền Bắc bao gồm cả cây vụ đông
 *** Số liệu TCTK

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH

2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

2.1.1. Trồng trọt

Trong tháng 9/2009, các địa phương miền Bắc tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ hè thu/mùa, thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu ở vùng Bắc Trung bộ và mùa sớm ở đồng bằng Bắc bộ để giải phóng đất trồng cây vụ đông. Các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch, phơi sấy lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa mùa/thu đông và gieo trồng rau, màu cây công nghiệp ngắn ngày vụ mùa.

- **Lúa mùa** : Đến 15/9/2009, cả nước đã gieo cấy đạt 1.704,2 ngàn ha, trong đó các tỉnh miền Bắc cơ bản kết thúc gieo cấy đạt diện tích 1.237,2 ngàn ha, bằng 102,6 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh đồng bằng sông Hồng gieo cấy đạt 552 ngàn ha, bằng 99,2 % so với vụ trước. Các tỉnh miền Nam xuống giống đạt 491,6 ngàn ha, bằng 102,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 188,6 ngàn ha, bằng 109 % năm trước.

Vụ lúa mùa ở miền Bắc năm nay triển khai sớm hơn so với lịch thời vụ, được chăm bón hợp lý và có mưa đều nên lúa sinh trưởng, phát triển trong điều kiện tương đối thuận lợi, triển vọng cho năng suất khá hơn vụ trước. Hiện nay, phần lớn trà lúa mùa sớm đã thu hoạch, sớm hơn trung bình nhiều năm từ 10 - 15 ngày tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc triển khai gieo trồng cây vụ đông 2009/2010 đạt kế hoạch diện tích và đạt hiệu quả kinh tế cao.

- **Lúa hè thu/thu đông** : Đến 15/9/2009, các tỉnh miền Nam đã thu hoạch 1.785,6 ngàn ha lúa hè thu, tiến độ thu hoạch bằng cùng kỳ năm trước. Phần lớn diện tích thu hoạch tập trung tại vùng ĐBSCL với hơn 1,5 triệu ha, chiếm 85 % tổng diện tích thu hoạch. Diện tích còn lại thuộc các vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Đông Nam bộ. Vụ lúa hè thu năm nay ở miền Nam đầu vụ thời tiết thuận lợi, diện tích đạt khá, thống kê sơ bộ tăng hơn vụ trước khoảng 40 ngàn ha. Tuy nhiên, vào giai đoạn lúa trổ và thu hoạch gặp mưa nhiều nên năng suất giảm, tỷ lệ thất thoát trong công đoạn phơi, sấy cao, giá lúa hạ, đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập thực tế của người trồng lúa.

Vụ lúa thu đông, ngoài việc thực hiện chỉ đạo của ngành hạn chế mở rộng diện tích nếu không đủ điều kiện để tránh dịch bệnh lây lan, thì trong tình hình thời tiết mưa nhiều, lũ về sớm, mực nước lên cao như hiện nay ở vùng ĐBSCL, nên một số diện tích chưa kịp xuống giống theo dự định. Theo thống kê sơ bộ của ngành nông nghiệp, vụ lúa thu đông năm 2009 các địa phương đã xuống giống đạt 483 ngàn ha, trong đó vùng ĐBSCL đạt 381,3 ngàn ha và Đông Nam bộ đạt 101,6 ngàn ha.

Ngoài lúa, trong tháng các địa phương tiếp tục gieo trồng và thu hoạch rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu/mùa và tích cực triển khai trồng cây vụ đông ở các tỉnh miền Bắc. Tính đến ngày 15/9/2009, tổng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực trong cả nước đạt hơn 1.492,2 ngàn ha, bằng 94,6 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích ngô đạt 940,6 ngàn ha, bằng 97,2 %, khoai lang 121,4 ngàn ha, bằng 90,3%, sắn đạt 425,2 ngàn ha, bằng 91,1 % so với cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng màu lương thực giảm tương đối nhiều, chủ yếu do diện tích cây vụ đông năm nay bị giảm mạnh do yếu tố thời tiết.

Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày tính đến giữa tháng 9/2009 đạt 657,2 ngàn ha, tăng 2,2 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó, cây lạc đạt 255,6 ngàn ha, đậu tương đạt 191,5 ngàn ha, tăng tương ứng 5,2 % và 4,5 % so với cùng kỳ năm trước.

Gieo trồng cây rau đậu các loại cả nước đạt 665,2 ngàn ha, tăng 0,6 % so với cùng kỳ năm trước.

Ước kết quả sản xuất nông nghiệp cả năm 2009:

Theo đánh giá sơ bộ, tổng sản lượng lương thực có hạt cả nước năm 2009 ước đạt 43,5 triệu tấn, tăng 0,4% so với sản lượng năm trước; trong đó lúa đạt 39 triệu tấn, so với

năm trước tăng 316 nghìn tấn, (+0,8%); sản lượng ngô đạt 4,4 triệu tấn, so với năm trước giảm 140 nghìn tấn (-3,1%).

Sản xuất lúa : Diện tích gieo cấy lúa cả năm ước đạt 7.429,4 nghìn ha, bằng 100,4%, tăng gần 30 nghìn ha so với năm trước, trong đó lúa vụ đông xuân đạt 3.060,8 nghìn ha, tăng 1,6 % (tương đương 47,7 nghìn ha). Lúa hè thu đạt 2.360,4 nghìn ha, giảm 0,4% (tương đương 8,3 nghìn ha). Lúa mùa đạt 2.008,2 nghìn ha, giảm 0,5 % (tương đương 10,2 nghìn ha). Như vậy, diện tích lúa tăng trong vụ đông xuân và giảm trong các vụ hè thu và mùa. Nguyên nhân chính, ngoài yếu tố thời tiết, còn do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, một bộ phận diện tích cấy lúa đạt năng suất thấp được chuyển sang trồng cây khác hiệu quả hơn và nuôi thủy sản ở các vùng Đồng bằng sông Hồng và ĐBSCL.

Năng suất lúa cả năm ước đạt 52,6 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so cùng kỳ năm trước, trong đó năng suất lúa đông xuân đạt 60,8 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha, lúa hè thu đạt 47,8 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha và lúa mùa đạt 45,2 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha.

Sản lượng lúa cả năm ước đạt 39 triệu tấn, tăng 316 nghìn tấn, tương đương 0,8% so với năm trước, chủ yếu do tăng sản lượng lúa vụ đông xuân (370 nghìn tấn) đạt 18,69 triệu tấn, còn sản lượng lúa hè ước thu đạt 11,28 triệu tấn, giảm 1 % (-116 nghìn tấn) và sản lượng lúa mùa đạt 9,07 triệu tấn, chỉ tăng 0,7% (+63 nghìn tấn).

Cây ngô : Diện tích đạt 1.105,4 nghìn ha, giảm 35 nghìn ha (-3,1%), chủ yếu do giảm diện tích ngô vụ đông, năng suất đạt 40,1 tạ/ha, bằng năm trước, sản lượng đạt 4.432 nghìn tấn, giảm 140 nghìn tấn, tương đương 3,1 % so với năm 2008.

Cây hàng năm khác : Nhìn chung, do diện tích, sản lượng cây vụ đông 2008/2009 giảm mạnh nên hầu hết cây màu lương thực đều bị giảm sản lượng khá nhiều so với năm trước. Sản lượng sản ước đạt 8,6 triệu tấn, giảm 8 %; khoai lang đạt 1,2 triệu tấn, giảm 9,4%, đỗ tương 213 nghìn tấn, giảm 20,4%; lạc 513 nghìn tấn, giảm 3,1%; mía 15,2 triệu tấn, giảm 5,7%; rau các loại 11,78 triệu tấn, tăng 2,3%; đậu các loại 173 nghìn tấn, giảm 7,4%...

Cây công nghiệp lâu năm : Năm 2009, các cây trồng chủ lực như chè, cao su, cà phê, hồ tiêu,... được các địa phương quan tâm đầu tư tăng diện tích trồng mới thay thế những diện tích già cỗi bằng những giống mới cho năng suất, chất lượng cao hơn. Đáng chú ý là cây cao su đã bắt đầu được trồng trở lại ở các tỉnh vùng núi phía Bắc, như Lai Châu (3,5 nghìn ha), Điện Biên (3,2 nghìn ha), Sơn La (3,9 nghìn ha).

Theo đánh giá bước đầu của các địa phương, diện tích chè búp ước đạt 128,1 nghìn ha, tăng 2,6 nghìn ha (+2,1%); cây cà phê ước đạt 536,1 nghìn ha, tăng 5,2 nghìn ha (1%); cây cao su ước đạt 674,4 nghìn ha, tăng 43 nghìn ha (+6,8%); cây hồ tiêu ước đạt 50,8 nghìn ha, tăng 0,9 nghìn ha (+1,7%). Riêng diện tích cây điều ước đạt 389,6 nghìn ha, giảm 17,1 nghìn ha (-4,2%), do đang trong giai đoạn thay đổi, cải tạo giống năng suất thấp bằng giống mới năng suất cao.

Do điều kiện thời tiết khá thuận lợi nên sản lượng thu hoạch của hầu hết các cây dài ngày phục vụ công nghiệp chế biến đều tăng khá, trong đó, sản lượng chè búp ước đạt 780,6 nghìn tấn, tăng 4,6 %; cao su ước đạt 725,9 nghìn tấn, tăng +10 %; hồ tiêu ước đạt 106,9 nghìn tấn, tăng 8,6 %; cà phê ước 1.056 nghìn tấn, xấp xỉ so với năm 2008. Riêng cây điều giảm cả diện tích và năng suất, nên sản lượng ước chỉ đạt 287,2 nghìn tấn, giảm 6,9 %;

Cây ăn quả : Sản lượng nhóm cây có múi tăng nhẹ so với năm trước nhờ tăng cả diện tích cho sản phẩm và năng suất thu hoạch, như sản lượng cam, quýt tăng 0,9 %, bưởi tăng 7,3 %. Đáng lưu ý là đã hình thành một số vùng trồng cây ăn quả tập trung, chuyên canh như ở Đồng Nai, Vĩnh Long, Trà Vinh,... đạt năng suất cao hơn hẳn so với các địa bàn trồng phân tán. Trong khi đó, một số cây ăn quả chủ lực của các địa phương miền Bắc, như nhãn, vải, chuối,...đều giảm sản lượng do thời tiết không thuận lợi (nhãn giảm 5,4 %; vải giảm gần 30 %; chuối giảm 10 %).

2.1.2. Tình hình sâu bệnh hại lúa

Các tỉnh miền Bắc :

- **Sâu cuốn lá nhỏ :** Diện tích nhiễm và mức độ thiệt hại thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích nhiễm là 246.860 ha, trong đó nặng 74.842 ha, diện tích đã được phòng trừ là 274.756 ha.

- **Rầy nâu & rầy lưng trắng :** Diện tích nhiễm và mức độ thiệt hại thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích nhiễm 52.241 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 1.723 ha, diện tích bị cháy rầy (mất trắng) là 11 ha.

- **Sâu đục thân 2 chấm :** Diện tích nhiễm và mức độ thiệt hại thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích nhiễm 68.820 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 3.613. Diện tích đã phòng trừ 112.477 ha.

- **Bệnh khô vằn :** Hại diện rộng các trà lúa, diện tích nhiễm lên tới 109.279 ha, trong đó nặng 9.092 ha, đã phòng trừ 97.929 ha. Tuy nhiên, diện tích nhiễm vẫn thấp hơn cùng kỳ năm trước.

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá (VL, LXL) :** Bệnh xuất hiện đầu tiên ở Nghệ An từ cuối tháng 8/2009. Đã có hơn 5.500 ha bị nhiễm bệnh nặng trên cả lúa hè thu và mùa. Hiện đã có 3.510 ha bị mất trắng, trong đó lúa hè thu 2.210 ha và lúa mùa khoảng 1.300 ha. Đến nay bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên lúa mùa ở Nghệ An và Thanh Hoá, chủ yếu ở Nghệ An với tỷ lệ hại phổ biến 10 – 20 %, cao từ 50 – 80 % diện tích nhiễm.

Bệnh VL, LXL đã xuất hiện ở Thái Bình trên 1.930 ha và Nam Định 320 ha, ...chủ yếu trên giống Bắc thơm số 7, Hương thơm, T10, BC 15.

Các tỉnh miền Nam :

- **Bệnh vàng lùn, LXL :** Tổng diện tích lúa bị nhiễm bệnh VL, LXL chỉ còn hơn 85 ha, giảm 12.823 ha so với tháng trước. Trong đó diện tích nhiễm nặng không đáng kể.

- **Rầy nâu :** Diện tích nhiễm hơn 57.207 ha, giảm 32.538 ha so với cùng kỳ năm trước. Diện tích bị nhiễm nặng chỉ hơn 1.000 ha.

- **Bệnh đạo ôn :** Đạo ôn lá : Diện tích nhiễm 12.617 ha, giảm 11.282 ha so với cùng kỳ năm trước. Đạo ôn cổ bông : Diện tích nhiễm 5.003 ha, giảm 2.722 ha so với cùng kỳ năm trước.

- **Sâu cuốn lá nhỏ :** Diện tích nhiễm 8.508 ha, giảm 7.789 ha so với cùng kỳ năm trước.

- **Bệnh lem lép hạt :** Diện tích nhiễm 7.306 ha, giảm 3.057 ha so với cùng kỳ năm trước.

- **Bệnh bạc lá :** Diện tích nhiễm 4.541 ha, tăng 152 ha so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, còn có các đối tượng như Chuột, châu chấu, nhện gié, bọ xít dài, bệnh đốm nâu, bọ xít đen ... gây hại nhẹ, rải rác.

2.2. Chăn nuôi, thú y

2.2.1. Tình hình sản xuất chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2009

Trong 9 tháng đầu năm 2009, mặc dù có dịch bệnh phát sinh nhưng quy mô nhỏ hơn so với năm trước, thêm vào đó giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong nước cũng như nhập khẩu giảm, giá thức ăn chăn nuôi không biến động lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi.

Tình hình phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ không có biến động lớn. Bệnh lở mồm long móng trâu bò xảy ra ở một số tỉnh miền Trung, Bắc Trung bộ và miền núi phía Bắc ở quy mô hẹp. Tại tỉnh Yên Bái, bệnh lở mồm long móng đã xuất hiện trên bò của các Dự án đã gây thiệt hại và ảnh hưởng đến chăn nuôi gia súc ăn cỏ của địa phương. Đối với chăn nuôi bò sữa và dê, cừu, hiện nay đang có thuận lợi trong sản xuất kinh doanh nên giá giống cao. Tại Ninh Thuận, giá dê, cừu thịt bình quân hiện nay 50.000 đồng/kg hơi, dê, cừu giống từ 2,0 - 2,4 triệu đồng/con giống (khoảng 20kg). Giá sữa tươi sản xuất dao động từ 7.400 - 8.100 đồng/lít có lợi cho người chăn nuôi. Giá giống bò sữa tính trên sản lượng sữa ngày khoảng 1,2 - 1,5 triệu đồng/lít ngày (bò sữa lúa 1 có sản lượng 20 lít ngày giá 24 - 30 triệu đồng/con).

Giá lợn hơi tại khu vực phía Nam giảm, bình quân dao động từ 29.000 - 33.000 đ/kg. Trong khi đó giá lợn hơi ở khu vực phía Bắc ở mức thấp hơn, từ 22.000 - 29.000 đ/kg.

Tại khu vực Đồng Nai, giá gà thả vườn thương phẩm 1 ngày tuổi là 6.000 đ/con; giá gà công nghiệp 3.000 đ/con. Giá gà thịt thả vườn ở mức 28.000 - 30.000 đ/kg; giá gà thịt công nghiệp 21.000 - 23.000đ. Vịt thịt giá 27.000 - 28.000 đ/kg; vịt giống bố mẹ 17.000 đ/con mái, 25.000 đ/con trống; vịt siêu thịt thương phẩm 1 ngày tuổi giá 10.000 - 11.000 đ/con.

Trong tháng 9/2009 giá một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong nước cũng như nhập khẩu đã giảm so với tháng 8/2009. Khô đỗ tương 8.925 đ/kg (giảm 5,1 %), bột cá sản xuất trong nước 60 % protein : 16.200 đ/kg (giảm 4,7 %). Ngược lại, một số nguyên liệu khác có tăng nhưng không lớn : ngô 4.305 đ/kg (tăng 1,3 %), cám gạo 4.410đ/kg (tăng 0,2 %), sắn khô 3.549 đ/kg (tăng 2,9 %), Lyzin 35.000 đ/kg (tăng 9,4%); Methionin 98.000 đ/kg không tăng; Giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm không thay đổi: cám gà Broiler 7.000 đ/kg, cám lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng 5.800 đ/kg.

2.2.2. Tình hình dịch bệnh

a. Dịch Cúm gia cầm

Trong tháng không có báo cáo ổ dịch mới phát sinh từ các địa phương. Đến thời điểm báo cáo, cả nước không còn địa phương nào có dịch Cúm gia cầm.

b. Dịch Lở mồm long móng

Trong tháng một số địa phương đã xảy ra dịch lở mồm long móng, các Chi cục Thú y đã tiến hành các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định, điều tra làm rõ nguồn gốc ổ dịch.

- *Phú Thọ* : Từ ngày 27/8/2009, bệnh lở mồm long móng đã xảy ra tại xã Long Cốc (huyện Tân Sơn). Kết quả xét nghiệm bệnh phẩm dương tính với chủng vi rút lở mồm long móng type O. Tính đến ngày 30/8/2009, đã có 11 gia súc mắc bệnh gồm 03 con trâu, 06 con bò và 02 con lợn.

- *Quảng Trị* : Từ ngày 27/8/2009 đến 01/9/2009, phát sinh thêm 02 ổ dịch mới tại các xã Tân Hợp (huyện Hướng Hóa) và xã Triệu Thành (huyện Triệu Phong). Tổng số gia súc mắc bệnh là 20 con bò. Ngày 09/9/2009, dịch lở mồm long móng tiếp tục xảy ra ở 01 xã mới là xã Gio Sơn (huyện Gio Linh). Tổng số gia súc mắc bệnh là 9 con bò. Từ đầu ổ dịch, toàn tỉnh Quảng Trị đã có 8 xã thuộc 5 huyện có dịch Lở mồm long móng.

- *Tuyên Quang* : Ngày 01/9/2009, bệnh lở mồm long móng đã xảy ra tại 02 xã là xã Thái Hòa (huyện Hàm Yên) và xã Tứ Quận (huyện Yên Sơn). Số gia súc mắc bệnh là 11 con trâu, 01 con bò và 01 con lợn. Toàn bộ số gia súc mắc bệnh đã bị tiêu hủy.

- *Đắk Lắk* : Từ ngày 18/8/2009 đến ngày 01/9/2009, dịch lở mồm long móng đã xảy ra ở 04 xã thuộc 04 huyện gồm xã Ea Sol (EaH'leo), xã Cư Drăm (Krông Bông), xã Ea Tam (Krông Năng) và xã Cư Ewi (Cư Kuin). Tính đến ngày 09/9/2009, tổng số gia súc mắc bệnh là 146 con trâu bò.

- *Nghệ An* : Từ ngày 01/9/2009, dịch lở mồm long móng đã xảy ra tại 03 xã gồm Nga My, Thạch Giám và Tam Quang (huyện Tương Dương). Số gia súc mắc bệnh là 16 con bò. Điều tra ban đầu cho thấy, số gia súc mắc bệnh là bò của Chương trình 135 giai đoạn II năm 2009 được vận chuyển từ huyện Thanh Chương lên huyện Tương Dương.

- *Yên Bái* : Từ ngày 06/9/2009, dịch lở mồm long móng đã xảy ra trên địa bàn 04 xã Sơn Thịnh, Suối Quyền, Tú Lệ và Bình Thuận (huyện Văn Chấn). Đến ngày 14/9/2009, tổng số gia súc mắc bệnh là 32 con trâu, bò. Dịch đã xảy ra trên 28/374 con trâu bò của Dự án tăng đàn đại gia súc năm 2009 của huyện Văn Chấn và đã lây sang 04 con trâu bò của địa phương. Số gia súc này được dự án nhập từ huyện Trấn Yên. Từ ngày 14/9 - 17/9/2009, trên địa bàn huyện Văn Chấn đã phát sinh thêm 04 ổ dịch lở mồm long móng tại các xã Minh An, Hạnh Sơn, Nghĩa Tâm, Chấn Thịnh, nâng tổng số xã có dịch lở mồm long móng lên 09 xã. Tổng số gia súc mắc bệnh từ đầu ổ dịch đến nay là 90 con trâu và 18 con bò, trong đó có 93 con trâu bò của dự án tăng đàn đại gia súc năm 2009 của huyện Văn Chấn và 14 con trâu bò của dân bị lây bệnh.

- *Quảng Bình* : Ngày 08/9/2009, tiếp tục phát hiện thêm 01 ổ dịch lở mồm long móng tại xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Tổng số gia súc mắc bệnh là 40 con trâu bò.

- *Quảng Nam* : Ngày 08/9/2009, phát hiện dịch LMLM tại 02 xã Bình Phục và Sông Trà thuộc huyện Thăng Bình và Hiệp Đức. Tổng số gia súc mắc bệnh là 53 con, trong đó có 40 bò và 13 trâu.

- *Sơn La* : Từ ngày 12/9/2009, dịch Lở mồm long móng đã xảy ra trên địa bàn xã Mường É thuộc huyện Thuận Châu làm 13 con trâu, 01 con bò và 06 con lợn mắc bệnh. Hiện tại, địa phương đang tiến hành các biện pháp phòng, chống dịch và điều tra nguồn gốc ổ dịch.

- *Đắk Lắk* : Ngày 18/9/2009, phát hiện thêm 01 xã có dịch lở mồm long móng là xã Đắk Liêng thuộc huyện Lắk làm tổng số 76 con trâu, bò mắc bệnh. Tính từ khi xảy ra dịch đến nay, toàn tỉnh Đắk Lắk đã có 5 xã thuộc 5 huyện có dịch gồm xã Cư Drăm

(huyện Krông Bông), xã EaSol (huyện EaH'leo), xã Cư Ewi (huyện CưKuin), xã EaTam (huyện Krông Năng) và xã Đăk Liêng (huyện Lắk).

Hiện nay, cả nước còn 12 tỉnh là Hà Tĩnh (15 ngày), Quảng Nam, Đăk Nông, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình, Tuyên Quang, Phú Thọ, Đăk Lăk, Nghệ An, Yên Bái và Sơn La có dịch LMLM chưa qua 21 ngày.

c. Dịch Tai xanh trên lợn

Trong tháng không có báo cáo ổ dịch mới phát sinh từ các địa phương mà chỉ có tỉnh Bạc Liêu có dịch tai xanh chưa qua 21 ngày. Lãnh đạo Cục Thú y, các Cơ quan Thú y vùng đi chỉ đạo, hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tại các địa phương.

2.3. Lâm nghiệp

2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh

Trong 9 tháng đầu năm 2009, do có nắng âm, mưa nhiều, thuận lợi cho việc trồng rừng nên các chỉ tiêu lâm sinh đều đạt khá. Đến nay, các tỉnh miền Bắc đã cơ bản trồng rừng xong, trong khi các tỉnh miền Nam mới bắt đầu trồng rừng trong những tháng gần đây.

Tính đến ngày 22/9/2009, diện tích trồng rừng tập trung trên cả nước là 146,7 nghìn ha, đạt 64,5 % kế hoạch, tăng 5,1 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích trồng rừng phòng hộ đặc dụng đạt 33,7 nghìn ha, tăng 41 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 56,2 % kế hoạch. Tuy nhiên, rừng sản xuất trồng chỉ đạt 113 nghìn ha, giảm 2,3 % so với cùng kỳ năm trước và đạt 67,5 % kế hoạch. Chăm sóc rừng trồng đạt 197,9 nghìn ha, tăng 32,2 % kế hoạch và bằng 87,7 % so với cùng kỳ năm trước. Trồng cây nhân dân đạt 163 triệu cây, bằng 81,5% kế hoạch và bằng 98,7 % so với cùng kỳ năm trước. Khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng dặm đạt 720 nghìn ha, vượt 42,2 % kế hoạch và vượt 10,7 % so với cùng kỳ năm trước. Khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 2.286,7 nghìn ha, vượt 50 % kế hoạch và bằng 83,8 % so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện khai thác gỗ đạt 2.581 nghìn m³, đạt 58,9 % kế hoạch, tăng 6 % so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Bắc : Đã cơ bản hoàn thành kế hoạch trồng rừng năm 2009. Đến ngày 22/9/2009, các tỉnh miền Bắc đã trồng được 125,4 nghìn ha, chiếm 85,5 % diện tích trồng rừng cả nước. Trong đó, các tỉnh Đông bắc có diện tích trồng rừng lớn nhất trên cả nước, với 90,3 nghìn ha, tiếp đến là Tây bắc trồng được 19,7 nghìn ha. Các tỉnh có diện tích trồng rừng lớn là Quảng Ninh (16.074 ha), Tuyên Quang (14.272 ha), Hà Giang (13.900 ha), Yên Bái (12.650 ha). Các tỉnh miền Bắc hiện nay đang tiếp tục thực hiện chăm sóc diện tích rừng đã trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và thực hiện khoán bảo vệ rừng, một số tỉnh tiếp tục thực hiện công tác cắm mốc ranh giới 3 loại rừng theo kế hoạch.

Các tỉnh miền Nam : Do chuẩn bị vào vụ trồng rừng nên các địa phương tiếp tục chăm sóc cây giống, phát dọn thực bì và cuộc hồ chuẩn bị trồng rừng. Một số tỉnh đã tiến hành trồng rừng. Tính đến ngày 22/9/2009, các tỉnh miền Nam đã trồng được 18.105 ha rừng, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng là 5.141 ha, rừng sản xuất là 12.964 ha. Trồng rừng hiện nay mới chỉ tập trung ở vùng Tây Nguyên (9.055 ha) tiếp đến là Đông Nam bộ (6.290 ha), ĐBSCL (2.638ha). Một số địa phương trồng rừng nhiều là Đăk Lăk (3.960 ha), Bình Thuận (3.404 ha), Kon Tum (2.264 ha), Tây Ninh (843 ha)... Bên cạnh việc chuẩn bị và tiến hành trồng rừng, các địa phương tiếp tục chăm sóc diện tích rừng trồng năm trước, triển khai giao khoán quản lý bảo vệ rừng và thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp.

2.3.2. Tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng

Chín tháng đầu năm 2009, diện tích rừng bị thiệt hại là 3.100 ha, tăng 28,2 % so với 9 tháng đầu năm 2008. Trong đó, diện tích rừng bị cháy là 1.590 ha, các địa phương có diện tích rừng bị cháy nhiều là Hà Giang (381 ha), Yên Bái (201,4 ha), Lạng Sơn (144,8 ha), Sơn La (133,6 ha)... Diện tích rừng bị phá là 1.510 ha. Đáng chú ý, riêng diện tích rừng bị phá ở 2 tỉnh Bình Phước và Lâm Đồng đã chiếm 60 % diện tích rừng bị phá của cả nước.

2.4. Nghề muối

2.4.1. Kết quả đạt được :

Các tỉnh miền Bắc và miền Trung đang trong vụ sản xuất. Sản lượng muối tính đến 15/9/09 ước đạt 670.000 tấn, bằng 85 % so với cùng kỳ năm trước.

Về giá muối : giá muối phía Bắc có chiều hướng tăng nhẹ, miền Trung có chiều hướng giảm nhẹ, còn Nam bộ ít thay đổi. Nhìn chung giá muối toàn quốc vẫn giữ được ở mức ổn định so với tháng 8/2009.

+ Giá các tỉnh miền Bắc : 1.100 - 1.600 đ/kg

+ Các tỉnh Đông Nam bộ và duyên hải miền Trung : 900 - 1.600 đ/kg (trong đó giá muối công nghiệp : 1.100 - 1.200 đ/kg)

+ Các tỉnh ĐBSCL : 1.250 - 1.600 đ/kg

2.4.2. Đánh giá kết quả:

- Do đã bắt đầu vào mùa mưa bão nên thời tiết trong tháng không thuận lợi cho sản xuất muối, vì vậy sản lượng muối thu hoạch trong tháng 9 của cả nước (ở những vùng còn sản xuất) không được nhiều.

- Giá muối trong toàn quốc vẫn giữ ở mức hợp lý từ đầu năm đến nay. Vì vậy, bà con diêm dân tích cực bám nắng, yên tâm sản xuất.

- Trước tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, Cục Chế biến, thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối đã yêu cầu các địa phương có sản xuất muối chuẩn bị tốt việc hướng dẫn bà con diêm dân kịp thời bám nắng, tăng năng suất, chất lượng muối, theo dõi sát diễn biến tình hình sản xuất để có thể ứng phó kịp thời với những khó khăn do thời tiết gây ra.

2.5. Thủy sản

2.5.1. Khai thác thủy sản

Vào những ngày đầu vụ cá Nam, hoạt động khai thác trên biển của ngư dân bị giảm do ảnh hưởng của bão số 4 và áp thấp nhiệt đới, thời tiết biển luôn biến động thất thường, nước trong, chày mạnh, gió chướng kéo dài... Hoạt động khai thác bị ảnh hưởng đáng kể. Giá cả các loại thủy sản khai thác và giá nhiên liệu trong các tháng đầu năm vẫn ổn định. Do vậy, ngư dân vẫn tiếp tục đầu tư đóng mới, cải hoán phương tiện, nâng cao hiệu quả khai thác.

Nhìn chung, năng lực đánh bắt và sản lượng khai thác thủy sản trong 9 tháng đầu năm tăng trưởng khá, số phương tiện khai thác công suất lớn ngày càng tăng, việc chuyển đổi từ nghề lưới kéo đơn hiệu quả thấp sang nghề kéo đôi đạt hiệu quả cao ngày càng

nhiều. Các nghề khai thác chính như lưới cản, giã đôi, lưới vây... đạt sản lượng khá, trong khi các nghề xúc ruốc, te xiệp đạt sản lượng trung bình do đã hết mùa khai thác chính trong năm. Nghề rê khơi đạt hiệu quả khá.

Sản lượng khai thác 9 tháng đầu năm của một số tỉnh đạt khá như Quảng Ninh đạt sản lượng đạt 37.000 tấn, Thanh Hoá (51.190 tấn), Đà Nẵng (31.600 tấn), Quảng Ngãi (77.090 tấn), Bình Thuận (135.430 tấn). Các tỉnh ĐBSCL như tỉnh Bến Tre đạt 70.285 tấn, Sóc Trăng (đạt 26.327 tấn), tỉnh Bạc Liêu (đạt 61.658 tấn). Nguyên nhân sản lượng thủy sản khai thác tăng so với cùng kỳ là do những tháng đầu năm nhiều địa phương được mùa cá cơm, cá nục và ngư dân tích cực ra khơi do được hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ ngư dân theo Quyết định 289 của Thủ tướng Chính phủ.

Ước sản lượng khai thác thủy sản tháng 9/2009 đạt 176 ngàn tấn, đưa tổng sản lượng khai thác 9 tháng đầu năm ước đạt 1.678 ngàn tấn, bằng 76,3 % kế hoạch, tăng 6,1% so với cùng kỳ. Trong đó khai thác biển ước đạt 1.542 ngàn tấn, khai thác nội địa ước đạt 136 ngàn tấn. (phụ lục số 7).

2.5.2. Nuôi trồng thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 9/2009 ước đạt 247 ngàn tấn, đưa tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 9 tháng đạt 1.945 ngàn tấn, bằng 81 % kế hoạch, tăng 6,5 % so với cùng kỳ năm 2008 (phụ lục số 7).

Theo báo cáo của một số địa phương, sản lượng nuôi 9 tháng đầu năm của Quảng Ninh đạt 19.039 tấn, Bắc Giang đạt 14.122 tấn, Lâm Đồng đạt 2.926 tấn, Thanh Hoá đạt 19.885 tấn, Bình Thuận đạt 9.051 tấn, Bến Tre đạt 173.298 tấn, Sóc Trăng đạt 54.085 tấn, TP HCM đạt 15.080 tấn.

Nuôi cá tra thâm canh : Tổng diện tích hiện thả giống đạt khoảng 6.100 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt khoảng 960.000 tấn, trong đó, Bến Tre (710 ha); Cần Thơ (đạt 1.126 ha); An Giang (1.068 ha); Hậu Giang (178,2 ha); Đồng Tháp (1.535 ha); Vĩnh Long (358 ha).

Hiện giá bán cá tra nguyên liệu trong 9 tháng qua dao động từ 13.000 - 16.000 đồng/kg. Giá thành sản xuất các nguyên liệu vẫn ở mức 14.000 – 17.000 đồng/kg. Do đó, người nuôi không có lãi. Theo thống kê, các hộ nuôi có qui mô nhỏ không liên kết được với các nhà máy chế biến đã chuyên nhượng hoặc cho thuê cơ sở nuôi cho các doanh nghiệp lớn nên diện tích cá tra trên địa bàn các tỉnh phần lớn tập trung vào các doanh nghiệp. Cá nuôi phát triển tốt nhưng dịch bệnh vẫn thường xuyên xuất hiện tuy không gây thiệt hại nghiêm trọng đối với nghề nuôi cá tra. Các bệnh chủ yếu là bệnh gan thận có mũ, xuất huyết, phù đầu và trắng gan trắng mang.

Nuôi tôm các loại : Theo thống kê, hiện tổng diện tích nuôi tôm nước lợ ước khoảng 653.622 ha, trong đó, nuôi tôm sú (637.255 ha), nuôi tôm chân trắng (16.408 ha). Sản lượng đạt trên 214.512 tấn, trong đó sản lượng tôm sú khoảng 176.800 tấn, tôm chân trắng khoảng 37.700 tấn. Nhìn chung, diện tích tôm nuôi thiệt hại thấp, tiến độ thả nuôi chậm so cùng kỳ do người dân thiếu vốn sản xuất và lo lắng có sự biến động của giá tôm như năm 2008. Tuy nhiên, thực tế giá tôm sú năm nay khá ổn định và tăng bình quân 4.000 - 6.000 đ/kg.

3. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Theo số liệu báo cáo của một số doanh nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định 1994) trong tháng 9/2009 ước tính như sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

Số TT	Tên doanh nghiệp	Ước TH tháng 9/2009
1	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	107.835
2	Tổng công ty Rau quả	36.100
3	Tổng công ty Chè	38.613
4	Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi	68.279
5	Công ty cổ phần in Nông nghiệp	170

3.1. Tình hình sản xuất mía đường

Quý III/2009 là thời gian luân chuyển vụ của ngành đường. Các nhà máy đường đã dừng sản xuất, tập trung sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị để chuẩn bị vào vụ mới. Do vụ sản xuất 2008 - 2009 bị mất mùa, nên lượng đường sản xuất giảm hơn 200.000 tấn. Trong bối cảnh, Cục Chế biến, thương mại NLTS và nghề muối đã thường xuyên cập nhật thông tin, tổng hợp tình hình tiêu thụ đường hàng tháng để tham mưu với các Bộ và Tổ điều hành thị trường trong nước có các biện pháp giữ ổn định thị trường. Trong quý III bổ sung thêm hạn ngạch nhập khẩu 40.000 tấn đường để cân đối cung cầu. Chuẩn bị cho vụ sản xuất mới, Cục đã chủ trì tổ chức Hội nghị sản xuất mía đường vụ 2009 - 2010 khu vực ĐBSCL và Tây Ninh, chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và PTNT, các nhà máy đường khu vực ĐBSCL rà soát quy hoạch, phân chia vùng nguyên liệu mía và chọn thời gian vào vụ ép 2009 - 2010 cho hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất và hiệu quả xã hội.

3.1.1 Tình hình sản xuất

Từ cuối tháng 8/2009, các nhà máy đường đã bắt đầu vào vụ sản xuất 2009 - 2010. Đến ngày 15/9/2009, đã có 8 nhà máy vào sản xuất. Tổng lượng mía ép đến ngày 15/9/2009 là 134.300 tấn, sản xuất được 8.000 tấn đường. Lượng đường tồn tại kho các nhà máy đến ngày 15/9/2009 là 58.700 tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước 89.300 tấn. Số đường luyện còn tại kho các nhà máy là 35.300 tấn. Lượng đường các doanh nghiệp kinh doanh còn gửi ở kho các nhà máy là 10.000 tấn. Các doanh nghiệp đã bắt đầu nhập khẩu đường theo hạn ngạch bổ sung.

3.1.2 Giá cả, thị trường

Giá bán đường từ ngày 15/8 - 15/9/2009 không ổn định. Lúc cao nhất, giá bán đường trắng loại I đã có thuế tại kho nhà máy là 13.500 đ/kg. Nhưng theo báo cáo của các nhà máy, lượng bán được rất ít. Hiện nay, giá chung trên cả nước là 12.500 đ/kg.

Giá mía các nhà máy đường khu vực ĐBSCL đang rất cao. Khoảng 600.000 – 630.000 đồng/tấn mua xô tại ruộng với mía khoảng 7 CCS. Ngày 17/9/2009, các nhà máy đường trong khu vực đã họp thống nhất đưa ra giá mua mía 10CCS tại ruộng là 630.000đ/T.

Hiện nay, cân đối cung cầu là tương đối đảm bảo. Tuy nhiên, từ nay đến cuối tháng 10/2009, lượng đường dự trữ còn ít. Để giữ ổn định thị trường đường, cần sự kiểm tra, chỉ đạo sát sao của Tổ thị trường trong nước và Hiệp hội Mía đường Việt Nam.

4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

4.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Giá trị xuất khẩu nông, lâm và thủy sản tháng 9 ước đạt 1,33 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm ước đạt 11,079 tỷ USD, giảm 12,09 % so với cùng kỳ năm 2008. Xuất khẩu lâm sản và thủy sản vẫn gặp khó khăn nên khối lượng và giá trị xuất khẩu đều giảm. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ yếu đạt 6,15 tỷ USD, giảm 9,96 %, thủy sản chỉ đạt 3,047 tỷ USD, giảm 9,18 %; các mặt hàng lâm sản chính giảm nhiều tới 15,32 % so với cùng kỳ năm 2008 với giá trị đạt 1,882 tỷ USD.

Cụ thể một số mặt hàng chính như sau :

+ **Gạo :** Ước tháng 9/2009 xuất khẩu 430 ngàn tấn, kim ngạch đạt 174 triệu USD, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu 9 tháng năm 2009 ước đạt 5,062 triệu tấn, kim ngạch đạt 2,288 tỷ USD, tăng 35,47 % về lượng và nhưng giảm 6,44 % về giá trị. Giá gạo XK tiếp tục giảm so với tháng trước, giá bình quân 8 tháng đầu năm ở mức 456 USD/T, giảm 31,23 % so cùng kỳ năm trước. Thị trường XK lớn nhất của Việt Nam là Phi-lip-pin chiếm tới 40,42% tổng giá trị XK gạo. Thị trường lớn thứ hai là Ma-lai-xia, chiếm chưa tới 10 %, được ghi nhận có sự tăng trưởng khá, tăng 50,98 % về lượng và 3,37 % về giá trị.

+ **Cà phê :** Ước xuất khẩu tháng 9/2009 đạt 54 ngàn tấn với trị giá 76 triệu USD, đưa tổng lượng cà phê xuất khẩu 9 tháng năm 2009 lên 893 ngàn tấn với giá trị 1,319 tỷ USD, tăng 16,84 % về lượng nhưng lại giảm 18,09% về giá trị. Đây là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn thứ hai sau gạo trong nhóm hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Giá cà phê tăng nhẹ so với tháng trước. Giá XK bình quân 8 tháng đạt 1.481USD/T, giảm 29,68 % so với cùng kỳ năm 2008. Mặc dù Việt Nam là quốc gia xuất khẩu cà phê Robusta hàng đầu thế giới, nhưng các nhà xuất khẩu của Việt Nam liên tục bị ép giá do chưa bao giờ chủ động được giá bán và hoàn toàn chịu sự chi phối của các nhà đầu cơ lớn trên thế giới. Thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam là Bỉ (chiếm tỷ trọng 13,82 %) thay thế vị trí của Đức (11,06%). Thị trường này có sự tăng trưởng vượt bậc, gấp gần 3 lần về lượng và gần 2 lần giá trị so với cùng kỳ năm 2008 .

+ **Sắn và các sản phẩm từ sắn :** Ngược với xu hướng suy giảm của các mặt hàng nông lâm thủy sản khác, mặt hàng sắn lại có sự tăng trưởng bất ngờ. Ước xuất khẩu tháng 9/2009 đạt 158 ngàn tấn thu về 36 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn 9 tháng năm 2009 đạt 473 triệu USD, gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2008. Mặt hàng này không chỉ được sử dụng làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi mà còn để sản xuất nhiên liệu sinh học khiến nhu cầu tăng đột biến, đẩy giá lên cao.

+ **Cao su :** Khối lượng cao su xuất khẩu tháng 9/2009 ước đạt 79 ngàn tấn đưa tổng khối lượng cao su xuất khẩu 9 tháng năm 2009 ước đạt 489 ngàn tấn với trị giá 732 triệu USD. Mặc dù lượng tăng tới 8,94 % nhưng giá trị chỉ đạt gần 60 % so cùng kỳ năm 2008. Giá cao su XK có nhích lên so với tháng trước. Giá trung bình 8 tháng đầu năm đạt 1.469 USD/T thấp hơn cùng kỳ năm 2008 là 1.238 USD/T. Nước nhập khẩu cao su lớn

nhất của Việt Nam là Trung Quốc (chiếm tới 69,7 % về giá trị), tiếp theo là Ma-lai-xia (gần 4%).

+ **Chè** : Ước xuất khẩu tháng 9/2009 đạt 15 ngàn tấn với kim ngạch đạt 20 triệu USD, đưa tổng lượng chè xuất khẩu 9 tháng năm 2009 ước đạt 97 ngàn tấn, kim ngạch đạt 126 triệu USD. Đây là mặt hàng duy nhất đạt được kết quả xuất khẩu khả quan trong năm nay cả về khối lượng và giá trị. Khối lượng tăng 22,35 % và giá trị tăng 13,74 % so với cùng kỳ năm 2008. Hiện Việt Nam là nước có sản lượng chè đứng thứ 5 trên thế giới và sản phẩm của ta đã có mặt ở 110 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong các thị trường truyền thống lớn nhất là Pakixtan (chiếm 27,07 % giá trị xuất khẩu), tiếp theo là Nga (15,33%), Đài Loan (14,48%). Giá XK tiếp tục có sự tăng trưởng khá so với những tháng trước. Giá bình quân 8 tháng đạt 1.289 USD/T, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2008.

+ **Hạt điều** : Tháng 9/2009, xuất khẩu ước đạt 20 ngàn tấn với trị giá 97 triệu USD, đưa tổng khối lượng điều xuất khẩu 9 tháng năm 2009 ở mức 134 ngàn tấn với trị giá 621 triệu USD, tăng 9,86 % về khối lượng nhưng giá trị lại giảm 9,62 % so với cùng kỳ năm 2008. Nhu cầu tiêu thụ điều đang tăng trở lại cùng với sự phục hồi của kinh tế thế giới khiến giá hạt điều cũng tăng so với các tháng trước. Giá XK bình quân 8 tháng đạt 4.591 USD/T, giảm 17,94 % so với cùng kỳ năm 2008. Một trong số những thị trường chủ lực của hạt điều xuất khẩu nước ta là thị trường Hoa Kỳ (chiếm gần 1/3 xuất khẩu điều của Việt Nam), có sự tăng trưởng về lượng (+ 12,17 %) nhưng do giá giảm nên giá trị vẫn giảm (- 7,59 %), tiếp theo là Trung Quốc (chiếm 19,11%).

+ **Tiêu** : Xuất khẩu tháng 9/2009 ước đạt 14 ngàn tấn, kim ngạch đạt 38 triệu USD, đưa khối lượng tiêu xuất khẩu 9 tháng năm 2009 đạt 111 ngàn tấn với kim ngạch xuất khẩu 269 triệu USD, tăng tới 53,8 % về lượng và nhưng chỉ tăng 6,3 % về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Do tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nên giá XK tiêu có xu hướng tăng khá so với tháng trước, giá bình quân 8 tháng đạt 2.393 USD/T, tuy nhiên vẫn thấp hơn năm ngoái tới 32,04%. Một số thị trường lớn của Việt Nam có sự tăng trưởng về lượng và giá trị như Hoa Kỳ (+ 23,25%; + 4,76%), Đức (+ 104,39%; + 20,81%), Pakixtan (+147,55%; + 58,62%)...

+ **Lâm sản và đồ gỗ** : Tháng 9/2009, xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 215 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 9 tháng năm 2009 ước đạt 1,882 tỷ USD. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 1,753 tỷ USD, giảm 15,32 %; sản phẩm mây tre, cói thảm ước đạt 127 triệu USD, giảm 22,95 % cùng kỳ năm trước.

+ **Thủy sản** : Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 9/2009 ước đạt 430 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu thủy sản 9 tháng năm 2009 đạt 3,047 tỷ USD. Mặt hàng tôm (tôm đông lạnh và tôm chế biến) là mặt hàng chiếm tỷ trọng giá trị cao nhất 36,81% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 963 triệu USD (giảm 2,1 % so với cùng kỳ năm 2008). Những tháng cuối năm nhu cầu nhập khẩu thủy sản sẽ có xu hướng tăng do kinh tế thế giới dần phục hồi cùng với nhu cầu tiêu thụ trong mùa Noel và tết dương lịch. Điều này thể hiện rõ nhất là tình hình tiêu thụ cá tra, basa có nhiều dấu hiệu tích cực. Xuất khẩu cá tra, basa 8 tháng đầu năm đạt 381,2 ngàn tấn thu về 856 triệu USD, giảm xấp xỉ 8% cả về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2008. Thị trường tiêu thụ cá tra, basa trong 8 tháng đầu năm lớn nhất là các nước châu Âu, trong đó, EU chiếm 42,64% giá trị xuất khẩu mặt hàng này, tiêu thụ 151 ngàn tấn đạt 365 triệu USD, giảm 4,68% về lượng nhưng lại tăng 1,39% về giá trị so với năm 2008. Các nước châu Âu khác chiếm 12,73% và ùng tăng

tiêu thụ gấp 2 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường Mỹ thì có sự suy giảm rõ rệt, chỉ bằng xấp xỉ 60% so với năm 2008.

4.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Tổng giá trị nhập khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thủy sản và vật tư, nguyên liệu phục vụ nông, lâm, thủy sản 9 tháng ở mức 7,511 tỷ USD giảm 8,16% so với cùng kỳ năm 2008.

Cụ thể một số mặt hàng chính như sau :

+ **Phân bón** : Lượng phân bón các loại nhập khẩu trong tháng 9 ước đạt 400 ngàn tấn, trong đó; Ure là 130 ngàn tấn, SA – 90 ngàn tấn, DAP – 130 ngàn tấn, NPK – 9 ngàn tấn và các loại khác – 23 ngàn tấn. Khối lượng phân bón nhập khẩu quý III ước đạt 3,25 triệu tấn với trị giá 1,033 tỷ USD, tăng 23,15% về lượng, và giảm 19,66 % về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Đây là nhóm hàng chiếm tới 20,64% giá trị nhập khẩu của ngành.

+ **Thuốc trừ sâu và nguyên liệu** : Ước nhập khẩu tháng 9/2009 đạt 34 triệu USD, đưa tổng nhập khẩu quý III ước đạt 338 triệu USD, giảm 13,06 % so với cùng kỳ năm 2008.

+ **Gỗ và sản phẩm gỗ** : Giá trị gỗ và sản phẩm từ gỗ nhập khẩu tháng 9/2009 ước đạt 90 triệu USD đưa tổng kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng này lên 636 triệu USD, giảm 26,69% so cùng kỳ năm trước.

+ **Thức ăn gia súc và nguyên liệu** : Ước kim ngạch nhập khẩu tháng 9/2009 đạt 181 triệu USD. Tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này quý III ước đạt 1,453 tỷ USD xấp xỉ cùng kỳ năm trước.

+ **Cao su** : Ước nhập khẩu tháng 9/2009 đạt 32 ngàn tấn, kim ngạch 38 triệu USD. Quý III nhập khẩu 210 ngàn tấn với kim ngạch 274 triệu USD bằng 65,94% về giá trị so với cùng kỳ năm 2008.

+ **Lúa mì** : Ước lượng lúa mì nhập khẩu tháng 9/2009 đạt 100 ngàn tấn với trị giá kim ngạch là 24 triệu USD. Tổng lượng nhập khẩu quý III đạt 969 ngàn tấn với trị giá 241 triệu USD, cả khối lượng tăng 73,85% và xấp xỉ về giá trị so với cùng kỳ năm 2008.

5. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

5.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý.

5.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung .

a. Tình hình thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý thực hiện tháng 9 và 9 tháng năm 2009 (Mục A của phụ biểu : vốn ngân sách giao đầu năm) ước đạt 2.378 tỷ đồng bằng 80,5% kế hoạch năm, trong đó :

- *Vốn thực hiện các dự án* đạt 2.171,8 tỷ đồng bằng 83% kế hoạch năm;
- + Khối Thủy lợi : Ước đạt 1.598 tỷ đồng, bằng 107,7% kế hoạch;
- + Khối Nông nghiệp : Ước đạt 287,8 tỷ đồng, bằng 58,4% kế hoạch
- + Khối Lâm nghiệp : Ước đạt 91,5 tỷ đồng, bằng 39,8% kế hoạch;

- + Khối Thủy sản : Ước đạt 20,8 tỷ đồng, bằng 86,7% kế hoạch;
 - + Khối Khoa học - Công nghệ : Ước đạt 85,3 tỷ đồng, bằng 37%
 - + Khối Giáo dục - Đào tạo : Ước đạt 54,2 tỷ đồng, bằng 60%
 - + Các ngành khác : Ước đạt 34 tỷ đồng, bằng 55,8% kế hoạch;
 - *Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia* : đạt 15,3 tỷ đồng bằng 37,9% kế hoạch;
 - *Vốn đầu tư theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể* : đạt 103,6 tỷ đồng bằng 49,8% kế hoạch;
 - *Vốn chuẩn bị đầu tư* : đạt 22,6 tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch;
 - *Bổ sung vốn dự trữ Quốc gia* : đạt 65 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, đã cơ bản nhập kho dự trữ Vắc-in, giống rau, giống lúa, thuốc bảo vệ thực vật;
- (Bộ đang đề nghị Chính phủ cấp bổ sung vốn dự trữ Quốc gia)

b. Tình hình thực hiện khối lượng và giải ngân nguồn vốn ngân sách ứng trước cho các dự án cấp bách (Mục B của phụ biểu : Vốn ứng trước cho các dự án cấp bách) thực hiện tháng 9 và 9 tháng năm 2009 ước đạt 437 tỷ đồng, bằng 43,7% kế hoạch;

5.1.2. Kết quả thực hiện :

Theo báo cáo tổng hợp từ các đơn vị sử dụng vốn ngân sách thuộc Bộ quản lý, kết quả thực hiện của một số dự án 9 tháng năm 2009 thuộc các Khối như sau :

a. Khối Thủy lợi : Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 1.598 tỷ đồng, bằng 107,7% kế hoạch năm;

Tiến độ triển khai thực hiện các dự án nhóm A, các dự án ODA cụ thể như sau :

- Dự án Lưu vực sông Hồng ADB3 : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 273 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch vốn và bằng 65% kế hoạch giải ngân được Bộ giao; Hầu hết các gói thầu xây lắp được triển khai đúng tiến độ, các Tiểu dự án sử dụng vốn AFD đã hoàn thành thi công, các Tiểu dự án sử dụng vốn ADB đang khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình nằm trong danh mục chống lũ và vượt lũ năm 2009 như cống Ba Nồn, cống Nhất Đồi, Trà Linh 1, cống Tắc Giang - Phú Lý; Một số Tiểu dự án thi công chậm so với dự kiến do thời tiết mưa nhiều hoặc vừa phục vụ tưới vừa thi công, giải phóng mặt bằng chậm : Tiểu dự án sông Cầu, Cổ Đàm, tiêu Hải Hậu...;

- Dự án Hỗ trợ thủy lợi Việt Nam WB3 : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 309,6 tỷ , bằng 191% so với kế hoạch đầu năm và bằng 61% kế hoạch Bộ giao giải ngân; Các ban quản lý dự án thuộc Bộ đang đôn đốc các nhà thầu đẩy mạnh tiến độ thi công các hệ thống kênh chính thuộc các Tiểu dự án : Tiểu dự án Phú Ninh, Tiểu dự án Dầu Tiếng, Tiểu dự án Đá Bàn; Một số Tiểu dự án về cơ bản đã thi công xong : TDA Kè Gỗ, Cầu Sơn - Cẩm Sơn, Yên Lập đang tiến hành thủ tục nghiệm thu bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác sử dụng; Ban quản lý dự án Trung ương đang đề nghị Bộ trình Chính phủ điều chỉnh Hiệp định vay của hợp phần 3;

- Dự án Quản lý rủi ro thiên tai WB4 : khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 344,8 tỷ đồng, bằng 378% kế hoạch đầu năm và bằng 92% kế hoạch giải ngân Bộ giao; Bên cạnh các dự án có khối lượng thực hiện và giải ngân khá cao : Hồ Vực Mầu, đê biển

Ba Tri, kè Hồng Ngự, trạm bơm Cầu Khai, chống úng Hải Lăng, các chủ đầu tư đang đẩy nhanh tiến độ thi công một số Tiểu dự án thành phần bị chậm tiến độ : TDA đê biển Phúc Long Nhượng - Hà Tĩnh, TDA cảng Phú Hải;

- Dự án thủy lợi các tỉnh miền Trung (ADB4) : Tỷ lệ thực hiện ước đạt 20% so với kế hoạch, hầu hết các Tiểu dự án thành phần đều chậm tiến độ so với dự kiến; Nguyên nhân gây chậm tiến độ, theo phản ánh của các chủ đầu tư : Tình hình thời tiết các tỉnh miền Trung không thuận lợi, đền bù giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc...

b. Khôi Nông nghiệp : Khối lượng thực hiện ước đạt 287,8 tỷ đồng, bằng 58,4% kế hoạch;

Theo đánh giá tổng hợp ngoài Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai vẫn đáp ứng được tiến độ thực hiện và giải ngân theo kế hoạch Bộ giao, các dự án ODA còn lại và các dự án dùng nguồn ngân sách trong nước vẫn triển khai chậm; Bộ yêu cầu các ban A rà soát và báo cáo Bộ những vướng mắc trong quá trình thực hiện đặc biệt đối với các dự án thuộc khối Viện, Trường, Trung tâm là các chủ đầu tư;

c. Khôi Lâm nghiệp : Khối lượng thực hiện ước đạt 91,5 tỷ đồng, bằng 39,8% kế hoạch;

Các dự án ODA đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện : dự án Phát triển Lâm nghiệp, dự án Trồng rừng phòng hộ các tỉnh miền Trung; 02 dự án vay vốn ADB : dự án Phát triển Lâm nghiệp và cải thiện đời sống đồng bào Tây Nguyên, dự án Phát triển lâm nghiệp ở tỉnh Hoà Bình, Sơn La, các dự án sử dụng vốn ngân sách thuộc các khối Trạm, Trại, Vườn ;

d . Khối Thủy sản : Khối lượng thực hiện ước đạt 20,8 tỷ đồng, bằng 86,7% kế hoạch; Bộ đang đề nghị Chính phủ bổ sung vốn cho một số dự án đầu tư xây dựng các Cảng cá;

5.1.3. Một số công tác quản lý xây dựng cơ bản trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới.

- Đôn đốc các ban Quản lý dự án tập trung rà soát các công trình, dự án có vướng mắc về cơ chế, thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng, chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, các địa phương từng bước tháo gỡ khó khăn đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đáp ứng kịp thời tiến độ xây dựng công trình;

- Tiếp tục kiểm tra tiến độ thi công, chất lượng thi công các công trình, dự án ODA, các công trình sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, các công trình chặn dòng, vượt lũ năm 2009; Đặc biệt lưu ý các chủ đầu tư, các địa phương cần tăng cường kiểm tra các công trình, hạng mục công trình chịu ảnh hưởng của bão lũ tại các tỉnh Bắc Trung Bộ và các tỉnh duyên hải miền Trung;

- Chỉ đạo các ban quản lý dự án thuộc Bộ, các ban quản lý dự án các địa phương (đối với các công trình đã phân cấp) đôn đốc các nhà thầu tập trung nhân lực, vật tư, xe máy đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình bị chậm tiến độ so với mục tiêu : Dự án Phước Hoà, Dự án ADB4, Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, Dự án Phát triển lâm nghiệp và cải thiện đời sống đồng bào Tây Nguyên, Dự án Phát triển lâm nghiệp hai tỉnh Hoà Bình, Sơn La;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kịp thời tháo gỡ khó khăn về trình tự thủ tục, cơ chế chính sách về vốn, giải ngân nguồn vốn cho các chủ đầu tư;

- Bộ yêu cầu các đơn vị quản lý dự án khẩn trương hoàn thiện các trình tự thủ tục XD/CB, lên phiếu giá nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ giải ngân của tất cả các công trình dự án thuộc các nguồn vốn : Ngân sách tập trung, ODA, trái phiếu Chính phủ, sự nghiệp Khoa học thuộc kế hoạch ngân sách năm 2009 đảm bảo tiến độ và mục tiêu của công trình, tập trung vào các công trình trọng điểm có vốn đầu tư lớn;

- Tiếp tục thúc đẩy quyết liệt công tác trình, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật - Tổng mức đầu tư và tổng dự toán để đẩy nhanh tiến độ triển khai công trình, dự án vốn sự nghiệp Khoa học, Giáo dục đào tạo; Bộ yêu cầu các chủ đầu tư, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ, kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện;

- Tổng hợp kiến nghị Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính điều chỉnh vốn các công trình trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vốn ngân sách tập trung, đề nghị các Bộ, ngành liên quan bổ sung kế hoạch vốn đối ứng ODA thủy lợi, vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009 cho các công trình thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2;

- Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Bộ chủ động điều chỉnh, phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ trong tổng nguồn để tập trung hoàn thành dứt điểm một số công trình có đủ điều kiện;

5.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ .

5.2.1. Phân bổ và thông báo kế hoạch vốn năm 2009.

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, về cơ bản Bộ Nông nghiệp đã thông báo vốn cho các chủ đầu tư.

5.2.2. Kết quả thực hiện

Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 2.168,5 tỷ đồng, đạt 56,3% kế hoạch, giải ngân 1.620,8 tỷ đồng, đạt 42% kế hoạch, trong đó :

- Các công trình theo quyết định 171/2006/QĐ- TTg : Khối lượng ước đạt 2.011 tỷ đồng, bằng 61,9% kế hoạch, gồm :

+ Các công trình thủy lợi lớn, cấp bách : Khối lượng ước đạt 1.344,5 tỷ đồng;

+ Các công trình thủy lợi miền Núi : Khối lượng ước đạt 377,5 tỷ đồng;

+ Các công trình thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long : Khối lượng ước đạt 289 tỷ đồng;

- Các dự án cấp bách bổ sung : Khối lượng thực hiện ước đạt 87,3 tỷ đồng, bằng 43,7% kế hoạch;

- Các dự án đồng bằng sông Hồng : Khối lượng ước đạt 69,9 tỷ đồng, bằng 17,5% kế hoạch;

6. HIỆN TRẠNG BÁO CÁO THỐNG KÊ HÀNG THÁNG

Tháng 9/2009, có 36/63 Sở NN&PTNT (16 tỉnh miền Bắc và 22 tỉnh miền Nam) gửi báo cáo tiến độ về Trung tâm Tin học và Thống kê đúng hạn đáp ứng phần nào công việc tổng hợp chung, phục vụ chỉ đạo của Bộ và của ngành. Tuy nhiên, một số đơn vị

chưa đảm bảo thời gian gửi, còn chậm. Đặc biệt, vẫn còn 38 tỉnh (chiếm 39 % số tỉnh) không gửi báo cáo 9 tháng và số báo cáo chưa đúng qui định vẫn còn nhiều (*xem Phụ lục 10a và 10b*).

Trung tâm Tin học và Thống kê đã có nhiều nỗ lực để thu thập thông tin phục vụ công tác tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng báo cáo về diêm nghiệp, thủy sản và khối doanh nghiệp còn quá ít (kể cả về số lượng cũng như chất lượng báo cáo). Do vậy, việc tổng hợp tình hình chung của toàn ngành, nhất là về số liệu phản ánh tình hình sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, bên cạnh các biện pháp mạnh chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương cần chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định, việc hình thành hệ thống thống kê thống nhất trong toàn ngành là vấn đề cấp thiết cần được Bộ quan tâm chỉ đạo.

Nơi nhận :

- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
- Phát hành trên website: *mard.gov.vn*
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK₍₂₎, Dự báo

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Long Trì